TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2018/DS-ST.

Ngày: 09-11 -2018.

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm Nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Phương Thảo.

2. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Thư ký Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện Kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 282/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2018/QĐXX-DS ngày 26 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2018/QĐST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà H (tên thường gọi B) - (có mặt).

Địa chỉ: 190 đường C, phường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà T (tên thường gọi X) - (có mặt).

Địa chỉ: 230 đường P, phường N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông D - (văn bản ủy quyền ngày 18/6/2018) - (có mặt).

Địa chỉ: 159 đường T, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà H trình bày:

Vào tháng 12/2015, tôi có cho bà T vay số tiền 350.000.000 đồng. Khi vay thì bà T không thế chấp cho tôi tài sản gì, giữa hai bên cũng không thỏa thuận lãi suất, cũng không thỏa thuận thời hạn trả nợ chỉ nói khi nào tôi cần thì bà T sẽ trả. Từ năm 2016 cho đến nay, tôi đã đòi nhiều lần nhưng bà T vẫn không trả nợ cho tôi. Nên tôi

khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho tôi số nợ là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

2. Tại bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của bị đơn - ông D trình bày:

Vào khoảng năm 2014, bà T xác định có vay của bà H số tiền là 350.000.000 đồng, vì là chỗ thân tình nên hai bên thỏa thuận không tính lãi suất. Quá trình vay cho đến nay bà T đã trả được cho bà H số tiền là 20.000.000 đồng. Khi trả do tin tưởng nhau nên bà T không yêu cầu bà H ghi giấy xác nhận mà chỉ đưa tiền cho bà H tự ghi vào sổ của bà H nên bà T không có chứng cứ về việc đã trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà H để cung cấp. Nay bà T chỉ xác định hiện còn nợ của bà H số tiền là 330.000.000 đồng. Hiện bà T có hoàn cảnh khó khăn nên không có điều kiện trả nợ theo yêu cầu của bà H, nên xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000/ tháng kể từ năm 2019, sau đó tùy vào khả năng tài chính của bà T số tiền trả 5.000.000 đồng/ tháng sẽ được điều chỉnh tăng sao cho phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo việc trả nợ nhanh chóng cho bà H.

Tại phiên tòa, bị đơn bà T và đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền - ông D xác nhận còn nợ bà H số tiền gốc là 350.000.000 đồng nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên xin được trả dần, mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ năm 2019, sau đó sẽ tăng số tiền trả cho bà H tùy theo tình hình kinh tế của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp và thời hiệu khởi kiện:

Bà H khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền vay là 350.000.000 đồng, nguyên đơn cho bị đơn vay vào tháng 12 năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn đã thừa nhận một phần nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện. Cho nên thời hiệu khởi kiện được tính lại theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự.

Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

[2]. Về nội dung:

Nguyên đơn bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà T phải trả số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất, theo giấy vay tiền không ghi ngày, tháng, năm có nội dung "mượn của chị B 350.000.000 đồng", có chữ ký và chữ viết T. Giấy vay tiền không ghi ngày, tháng, năm nhưng nguyên đơn bà H xác định khi bà H cho bà T vay tiền là vào tháng 12 năm 2015 còn ngày thì không nhớ, tên thường gọi của bà H là "B"

Tại phiên tòa, bị đơn bà T thừa nhận có vay tiền của bà H, thường gọi là chị B số tiền là 350.000.000 đồng, xác nhận chứng cứ là giấy vay tiền do bà H cung cấp là chữ viết, chữ ký của bà T, hiện nay do tình hình kinh tế quá khó khăn nên đề nghị bà H cho trả dần.

Như vậy, bà T có vay của bà H số tiền 350.000.000 đồng vào tháng 12 năm

2015 và xin được trả dần hàng tháng nhưng bà H không đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận, bà T phải trả cho bà H số tiền nợ gốc là 350.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 350.000.000 đồng x 5% = 17.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Tòng vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Buộc bà T có trách nhiệm trả cho bà H số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự để tính lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

2. Về án phí:

Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.500.000 đồng.

Bà H được nhận lại 8.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu tiền số AA/2017/0007403 ngày 11/6/2018.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đông